TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Phật giáo Nam tông Khmer và Việt Nam đa tôn giáo, hòa hợp và phát triển

ISSN: 2734-9195 09:49 12/11/2026

Hệ thống giá trị tư tưởng và thực hành tôn giáo của hệ phái, bắt nguồn từ truyền thống Theravāda, đã được bản địa hóa sâu sắc, trở thành nền tảng đạo đức và chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội...

1. Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, nơi nhiều truyền thống tín ngưỡng cùng chung sống hòa hợp trong một không gian lịch sử và văn hóa thống nhất. Sự phong phú này tạo nên chiều sâu tinh thần của dân tộc, đồng thời đặt ra yêu cầu thường trực về việc củng cố khối đại đoàn kết, tôn trọng sự khác biệt và phát huy các giá trị đạo đức tôn giáo trong đời sống xã hội.

Về mặt luật pháp và chính sách, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được hiến định rõ ràng tại Hiến pháp năm 2013, được cụ thể hóa qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP (Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, 2013; 2016; Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2017). Về phương diện đường lối, quan điểm phát huy sức mạnh đại đoàn kết, chăm lo công tác dân tộc và tôn giáo được Đảng Cộng sản Việt Nam xác lập nhất quán qua các Nghị quyết số 23-NQ/TW, 24-NQ/TW, và 25-NQ/TW (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003a; 2003b; 2003c).

Trong bức tranh toàn cảnh ấy, Phật giáo Nam tông Khmer giữ một vị trí đặc biệt riêng biệt. Hệ phái này gắn bó máu thịt với đồng bào Khmer Nam Bộ, hiện diện sống động trong phum sóc, nơi những ngôi chùa cổ kính, trong tiếng kinh Pāli trầm hùng, và trong mọi sinh hoạt hệ trọng của đời người như lễ hội, cưới hỏi, tang ma cho đến giáo dục nhân cách (Nguyễn Mạnh Cường, 2002).

Từ phương diện tư tưởng, Phật giáo Nam tông Khmer đặt trọng tâm vào hệ giá trị: Giới hạnh – Định tâm – Trí tuệ, lấy tinh thần Từ bi,

Bất hại, Vô thường, Vô ngã và Duyên khởi làm kim chỉ nam. Khi thấm sâu vào đời sống xã hội, các giá trị này trở thành năng lực liên kết cộng đồng, nâng đỡ nhân cách và tạo sự đồng thuận xã hội (Bùi Thị Kim Hậu, 2016).

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường, đô thị hóa và di cư lao động diễn ra mạnh mẽ hiện nay, Phật giáo Nam tông Khmer đang đối mặt với những chuyển biến nhanh chóng (Nguyễn Phú Lợi, 2022). Bài tham luận này tập trung làm rõ nền tảng tư tưởng của Phật giáo Nam tông Khmer và ý nghĩa của hệ tư tưởng ấy đối với việc định vị, lan tỏa hình ảnh một nước Việt Nam đa tôn giáo, hòa hợp và phát triển bền vững dưới góc nhìn Phật học kết hợp với nhân học tôn giáo.

2. Nội dung

2.1. Phật giáo Nam tông Khmer trong đời sống cộng đồng Khmer Nam Bộ và trong ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam

Đối với cộng đồng Khmer Nam Bộ, ngôi chùa (Wat) không chỉ là một thiết chế tôn giáo thực hành tín ngưỡng mà còn là trung tâm của toàn bộ đời sống văn hóa – xã hội trong phum sóc. Từ lâu, chùa Khmer đã trở thành "trường học nhân cách" của cộng đồng, nơi trẻ em và thanh thiếu niên được học chữ Khmer, chữ Pāli, tiếp cận giáo lý Phật giáo, rèn luyện lễ nghĩa, lòng hiếu kính và giới hạnh thông qua truyền thống tu gieo duyên, xuất gia báo hiếu. Đồng thời, chùa còn là không gian lưu giữ và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, văn học dân gian và tri thức bản địa của người Khmer. Đây cũng là địa điểm diễn ra các lễ hội quan trọng trong chu kỳ sinh hoạt văn hóa hằng năm của cộng đồng, góp phần duy trì tính liên tục của ký ức văn hóa và củng cố bản sắc dân tộc Khmer trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập (Nguyễn Mạnh Cường, 2002; Bạch Thanh Sang, 2025).

Trong không gian cộng cư đa tộc người của vùng Tây Nam Bộ, nơi cộng đồng Kinh, Khmer, Hoa và Chăm cùng sinh sống, quá trình khai phá vùng đất mới và thích ứng với điều kiện sinh thái sông nước đã hình thành nên truyền thống đoàn kết, tương trợ và cộng sinh giữa các tộc người (Phạm Văn Búa, 2010). Trong bối cảnh đó, chùa Khmer không chỉ là biểu tượng của bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là một thiết chế xã hội có khả năng kết nối cộng đồng, thúc đẩy giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các nhóm cư dân. Những lễ hội truyền thống như Chôl Chnăm Thmây, Sene Dolta và Ok Om Bok vượt ra ngoài phạm vi sinh hoạt tôn giáo thuần túy để trở thành các sự kiện văn hóa cộng đồng có sức lan tỏa rộng lớn, góp phần tăng cường sự gắn kết xã hội, bồi đắp tinh thần đoàn kết

liên dân tộc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong khu vực (Nhiều tác giả, 2015).

Bên cạnh vai trò của thiết chế chùa, chư Tăng và các vị Achar luôn giữ vị trí trung tâm trong đời sống tinh thần của cộng đồng Khmer Nam Bộ. Với uy tín về đạo hạnh, tri thức và kinh nghiệm xã hội, chư Tăng không chỉ đảm trách việc hướng dẫn tín đồ thực hành giáo lý, nghi lễ và đời sống tâm linh mà còn tham gia giáo dục đạo đức, hòa giải các mâu thuẫn trong gia đình và cộng đồng, định hướng thanh thiếu niên xây dựng lối sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Trong các giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước, đồng bào Khmer cùng chư Tăng Nam tông Khmer đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp chung của dân tộc. Trong đó, Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ đã khẳng định vai trò là cầu nối giữa Đạo pháp và Dân tộc, góp phần kết hợp hài hòa tinh thần từ bi, cứu khổ của Phật giáo với lòng yêu nước, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân trong thời đại mới (Bạch Thanh Sang, 2025).

Trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Nam tông Khmer giữ một vị trí đặc biệt với những đóng góp quan trọng về phương diện văn hóa, giáo dục và tâm linh. Theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tu chỉnh lần thứ VII), Giáo hội hoạt động trên nguyên tắc thống nhất ý chí và hành động của các hệ phái Phật giáo trong cả nước, đồng thời tôn trọng và phát huy những giá trị đặc thù của từng truyền thống (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2022/2023). Trong tổng thể đó, Phật giáo Nam tông Khmer đã làm phong phú diện mạo Phật giáo Việt Nam thông qua hệ thống kinh điển Pāli, truyền thống nghi lễ Thượng tọa bộ, phương thức tu học đặc thù và mô hình đào tạo tăng tài gắn với bản sắc văn hóa Khmer. Việc tham gia vào một tổ chức Giáo hội thống nhất không làm suy giảm tính đặc thù của hệ phái, mà ngược lại còn tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở pháp lý, cơ chế tổ chức và nguồn lực để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tôn giáo và giáo dục truyền thống một cách bền vững (Lý Hùng, 2021).



Chư tăng, phật tử chùa Chantarangsay tham dự lễ dâng y Kathina. Ảnh: btgcp.gov.vn

Theo số liệu thống kê đến năm 2020, cả nước có hơn 1,2 triệu tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer, tập trung chủ yếu tại khu vực Tây Nam Bộ, với khoảng 445 ngôi chùa và 6.807 vị sư sãi đang tu học, hành đạo và phụng sự cộng đồng (Nguyễn Phú Lợi, 2022, tr. 61). Đây không chỉ là một nguồn lực tôn giáo quan trọng mà còn là nguồn lực văn hóa, xã hội và nhân văn to lớn, góp phần bảo tồn bản sắc dân tộc Khmer, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ nói riêng và của đất nước Việt Nam nói chung.

2.2. Nền tảng tư tưởng của Phật giáo Nam tông Khmer: Từ tu dưỡng cá nhân đến đạo đức cộng đồng

Nền tảng tư tưởng của Phật giáo Nam tông Khmer bắt nguồn từ giáo lý nguyên thủy của truyền thống Theravāda, đồng thời được bản địa hóa và nội hóa sâu sắc trong đời sống văn hóa - xã hội của cộng đồng Khmer Nam Bộ, trở thành những chuẩn mực đạo đức và ứng xử thường nhật của con người trong phum sóc. Trước hết, niềm tin vào Tam bảo cùng việc thực hành Ngũ giới không sát sinh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không sử dụng các chất gây say góp phần hình thành ý thức tự giác, xây dựng lối sống kỷ cương, liêm chính và củng cố niềm tin trong các mối quan hệ xã hội. Giá trị từ bi và bất hại nuôi dưỡng tinh thần yêu thương, cảm thông và hóa giải oán thù theo tinh thần Kinh Pháp Cú (kệ số 5), từ đó bồi đắp lòng vị tha, khuyến khích sự sẻ chia và

tinh thần tương trợ đối với những người có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, giáo lý Duyên khởi giúp con người nhận thức rằng mọi sự vật và hiện tượng đều tồn tại trong mối quan hệ tương thuộc, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, đề cao tinh thần sống vì tập thể, hạn chế xu hướng cá nhân chủ nghĩa và vị kỷ. Đồng thời, quan niệm về Vô thường và Vô ngã giúp con người giữ được sự bình thản trước những biến động của cuộc sống, giảm thiểu chấp ngã và nuôi dưỡng tinh thần lắng nghe, cảm thông, qua đó tăng cường khả năng thích ứng của cộng đồng trước những thay đổi của quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa mà vẫn bảo tồn được những giá trị đạo đức cốt lõi.

Trong hệ thống giáo lý ấy, Bát Chính đạo được xem là con đường tu tập toàn diện nhằm hoàn thiện nhân cách con người, từ nhận thức đúng đắn (Chính kiến), tư duy chân chính (Chính tư duy), lời nói đúng đắn (Chính ngữ), hành động thiện lành (Chính nghiệp), sinh kế lương thiện (Chính mạng), cho đến sự tinh tấn, chính niệm và chính định (Vibhaṅga Sutta, SN 45.8). Đây là một hệ thống giáo dục đạo đức mang giá trị phổ quát, hướng đến việc xây dựng con người toàn diện trong mọi bối cảnh xã hội. Song song với đó, Kinh Thiện Sinh (Siṅgālovāda Sutta, DN 31) xác lập các chuẩn mực ứng xử trong sáu mối quan hệ căn bản của đời sống xã hội gồm cha mẹ và con cái, thầy và trò, vợ và chồng, bạn bè, chủ và người lao động, cư sĩ và bậc xuất gia. Những lời dạy này góp phần duy trì trật tự xã hội trong phum sóc Khmer trên nền tảng hiếu kính, nghĩa tình, trách nhiệm và sự tương trợ lẫn nhau. Từ góc nhìn Phật giáo Nam tông Khmer, sự tu dưỡng của mỗi cá nhân chính là nền tảng của đạo đức xã hội; cá nhân giữ gìn giới hạnh sẽ xây dựng gia đình an vui, gia đình thuận hòa sẽ tạo nên cộng đồng vững mạnh, và nhiều cộng đồng ổn định sẽ trở thành cơ sở cho một xã hội hòa hợp, phát triển và thái bình.

2.3. Phật giáo Nam tông Khmer và đóng góp cho hình ảnh quốc gia Việt Nam đa dạng, hòa hợp và phát triển bền vững

Hình ảnh của một quốc gia không chỉ được kiến tạo từ những chỉ số tăng trưởng kinh tế hay thành tựu phát triển vật chất, mà còn được phản ánh qua cách thức bảo tồn, tôn trọng và phát huy các giá trị văn hóa, bản sắc tộc người và quyền tự do tín ngưỡng của cộng đồng dân cư. Trong bối cảnh đó, sự hiện diện và phát triển bền vững của Phật giáo Nam tông Khmer trở thành minh chứng sinh động cho chính sách nhất quán của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời khẳng định sự tôn trọng đối với tính đa dạng văn hóa và bản sắc của các dân tộc thiểu số. Hình ảnh tiếng kinh Pāli vang lên trong các ngôi chùa Khmer, các lớp học chữ Khmer được duy trì và mở rộng, cùng với

việc nhiều cơ sở tự viện được quan tâm bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị đã góp phần khẳng định thông điệp về một Việt Nam đa dân tộc, đa tôn giáo và giàu truyền thống nhân văn.

Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo, Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc, Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị, cũng như định hướng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc như những nguồn lực nội sinh cho phát triển đất nước nhanh và bền vững (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003b, 2003c, 2021; Bộ Chính trị, 2019).

Từ thực tiễn của cộng đồng Khmer Nam Bộ cho thấy, hòa hợp xã hội không đồng nghĩa với sự đồng nhất hay xóa nhòa những khác biệt văn hóa, mà là quá trình tạo dựng môi trường để các bản sắc riêng cùng tồn tại, phát triển và đóng góp cho mục tiêu chung của quốc gia. Trong tiến trình đó, Phật giáo Nam tông Khmer đã thể hiện vai trò quan trọng trên nhiều phương diện. Về văn hóa, hệ phái đã góp phần bảo tồn tương đối nguyên vẹn các giá trị truyền thống của dân tộc Khmer thông qua kiến trúc chùa tháp, hệ thống chữ viết, ngôn ngữ, nghệ thuật dân gian và các lễ hội truyền thống. Về phương diện chính trị – xã hội, Phật giáo Nam tông Khmer tham gia tích cực vào việc giáo dục lòng yêu nước, ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần trách nhiệm công dân và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong ý nghĩa đó, tôn giáo không chỉ là đời sống tâm linh của cộng đồng mà còn đóng vai trò như một "chất keo xã hội", góp phần củng cố niềm tin cộng đồng, điều hòa các khác biệt và làm giảm thiểu những nguy cơ xung đột tiềm ẩn thông qua các giá trị từ bi, hòa hợp và tinh thần tương thuộc của giáo lý Duyên khởi (Bùi Thị Kim Hậu, 2016).

Từ góc độ phát triển, kinh nghiệm của Phật giáo Nam tông Khmer cũng gợi mở một cách tiếp cận toàn diện về khái niệm phát triển bền vững. Bên cạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập và hoàn thiện hệ thống hạ tầng, sự phát triển chân chính cần được xây dựng trên nền tảng của các giá trị nhân văn, bao gồm đạo đức, văn hóa và ký ức cộng đồng. Chính sự kết hợp hài hòa giữa phát triển vật chất và phát triển tinh thần sẽ tạo nên một mô hình phát triển có chiều sâu, có khả năng duy trì tính ổn định xã hội và bảo đảm tính bền vững trong dài hạn.

Tuy nhiên, trước những tác động của quá trình đô thị hóa, di cư lao động và sự phát triển mạnh mẽ của không gian số, cộng đồng Khmer Nam Bộ cũng đang đứng trước những thách thức mới. Một bộ phận thanh niên Khmer có xu hướng giảm thời gian tham gia sinh hoạt tôn giáo và tu học tại chùa (Nguyễn Phú Lợi, 2022, tr. 62). Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương thức truyền trao các

giá trị đạo đức và văn hóa truyền thống theo hướng phù hợp với bối cảnh đương đại. Một số giải pháp có thể được quan tâm triển khai gồm việc tổ chức các lớp giáo dục đạo đức cuối tuần, biên soạn tài liệu song ngữ Việt – Khmer, đẩy mạnh số hóa kinh sách, ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông Phật giáo, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa chùa – gia đình – nhà trường nhằm bảo tồn và phát huy mạch nguồn văn hóa, đạo đức đặc sắc của Phật giáo Nam tông Khmer trong đời sống xã hội hiện nay.

2.4. Phát huy vai trò của Phật giáo Nam tông Khmer trong đối ngoại nhân dân và lan tỏa hình ảnh Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngoại giao văn hóa và đối ngoại nhân dân đã trở thành những trụ cột quan trọng góp phần nâng cao vị thế, uy tín và sức hấp dẫn của quốc gia trên trường quốc tế. Với những đặc trưng riêng về lịch sử, văn hóa và tôn giáo, Phật giáo Nam tông Khmer sở hữu nhiều lợi thế để trở thành một kênh đối ngoại nhân dân hiệu quả, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam hòa bình, đa dạng văn hóa và giàu truyền thống nhân văn.



Là một bộ phận của truyền thống Phật giáo Theravāda, Phật giáo Nam tông Khmer có sự tương đồng sâu sắc với các quốc gia Phật giáo trong khu vực Đông Nam Á và Nam Á thông qua việc sử dụng ngôn ngữ Pāli, hệ thống giới luật, nghi

lễ tôn giáo và các biểu tượng văn hóa đặc trưng như lễ dâng y Kathina, Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây hay truyền thống xuất gia học đạo. Những giá trị chung này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường giao lưu, hợp tác và đối thoại giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo các nước như Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar và Sri Lanka. Sự hiện diện của chư Tăng Nam tông Khmer tại các diễn đàn Phật giáo quốc tế không chỉ thể hiện sự phong phú trong đời sống tôn giáo của Việt Nam mà còn góp phần lan tỏa hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng đa dạng văn hóa và gìn giữ các giá trị truyền thống của Phật giáo Thượng tọa bộ.

Đặc biệt, trong quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Campuchia, cộng đồng Khmer Nam Bộ cùng truyền thống Phật giáo Nam tông Khmer có thể được xem là một nguồn lực văn hóa - xã hội quan trọng của hoạt động đối ngoại nhân dân. Sự tương đồng về tín ngưỡng, ngôn ngữ và bản sắc văn hóa giữa cộng đồng Khmer ở hai nước tạo ra những điều kiện thuận lợi để tăng cường giao lưu, hiểu biết và củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai quốc gia. Các hoạt động trao đổi đoàn, giao lưu tôn giáo, hợp tác giáo dục Phật học và tham gia các sự kiện văn hóa tâm linh có ý nghĩa tích cực trong việc tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng, đồng thời góp phần khẳng định chính sách nhất quán của Việt Nam về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để phát huy hiệu quả nguồn lực này trong công tác đối ngoại nhân dân, cần quan tâm triển khai đồng bộ một số giải pháp chiến lược. Trước hết, cần chú trọng đào tạo đội ngũ tăng tài có kiến thức toàn diện, không chỉ am hiểu Phật học, Pāli và ngữ văn Khmer mà còn được trang bị năng lực ngoại ngữ, kiến thức pháp luật, kỹ năng giao tiếp quốc tế và truyền thông số, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập và đối thoại liên văn hóa trong giai đoạn hiện nay (Bạch Thanh Sang, 2025). Bên cạnh đó, việc bảo tồn không gian văn hóa chùa Khmer với tư cách là một di sản văn hóa sống cần được quan tâm đúng mức, nhằm duy trì tính trang nghiêm, thanh tịnh và bản sắc truyền thống của tự viện, đồng thời hạn chế những biểu hiện thương mại hóa trong hoạt động du lịch tâm linh. Chính đời sống thanh bần, giới hạnh và phong thái tu học của chư Tăng là những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt, giúp bạn bè quốc tế cảm nhận được chiều sâu văn hóa và tinh thần của Phật giáo Nam tông Khmer.

Song song với đó, cần tiếp tục phát huy tinh thần nhập thế của Phật giáo thông qua các hoạt động từ thiện xã hội, bảo vệ môi trường, khuyến học, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và hỗ trợ các nhóm yếu thế trong xã hội. Những hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ của đạo Phật mà còn góp phần

xây dựng hình ảnh một cộng đồng Phật giáo tích cực, trách nhiệm và đồng hành cùng sự phát triển của đất nước.

Thực tiễn cho thấy, sức mạnh lan tỏa của tôn giáo không chỉ được thể hiện qua các diễn ngôn hay hoạt động quảng bá mang tính hình thức, mà trước hết được khẳng định bằng chính đời sống đạo hạnh và giá trị thực hành của cộng đồng tín đồ. Một ngôi chùa thanh tịnh, một vị Tỳ khưu nghiêm trì giới luật, hay một cộng đồng Phật tử sống hiền hòa, nhân ái và thượng tôn pháp luật chính là những minh chứng sinh động nhất về một Việt Nam ổn định, nhân văn, giàu bản sắc và sẵn sàng hội nhập với thế giới trên nền tảng đối thoại, hòa bình và tôn trọng sự đa dạng văn hóa.

3. Kết luận

Phật giáo Nam tông Khmer là một bộ phận hữu cơ của Phật giáo Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc trong suốt tiến trình lịch sử, góp phần quan trọng vào việc gìn giữ bản sắc văn hóa Khmer Nam Bộ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hệ thống giá trị tư tưởng và thực hành tôn giáo của hệ phái, bắt nguồn từ truyền thống Theravāda, đã được bản địa hóa sâu sắc, trở thành nền tảng đạo đức và chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội, góp phần hình thành lối sống nhân ái, hòa hợp và trách nhiệm trong cộng đồng phum sóc.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và những biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội hiện nay, việc bảo tồn và phát huy các giá trị của Phật giáo Nam tông Khmer cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam, hướng đến xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, đây cũng là quá trình phát huy các giá trị văn hóa, tinh thần và xã hội của cộng đồng Khmer như một nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự đồng hành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng vai trò nòng cốt của Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước, công tác bảo tồn, phát huy và phát triển Phật giáo Nam tông Khmer sẽ tiếp tục được củng cố một cách hài hòa, đúng định hướng và hiệu quả. Trên nền tảng đó, Phật giáo Nam tông Khmer không chỉ tiếp tục thực hiện tốt vai trò tôn giáo trong đời sống tinh thần của đồng bào Khmer mà còn góp phần tích cực vào việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh tinh thần và lan tỏa hình ảnh một Việt Nam hòa bình, ổn định, đa dạng văn hóa, tôn trọng tự do tín ngưỡng và chủ động hội nhập quốc tế một cách bền vững.

Đại đức Châu Hoài Thái
Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó Chánh Văn phòng II Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

***

Tài liệu tham khảo:

1. Bạch Thanh Sang (Chủ biên). (2025). Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức.
2. Bộ Chính trị. (2019). Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. (2017). Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003a). Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003b). Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003c). Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.
8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2022/2023). Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tu chỉnh lần thứ VII tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX.
9. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
10. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. (2016). Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.
11. Nguyễn Mạnh Cường. (2002). Vài nét về người Khmer Nam Bộ. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
12. Nguyễn Phú Lợi. (2022). Sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay. Nghiên cứu Tôn giáo, 5(221), 58-75.
13. Bùi Thị Kim Hậu. (2016). Vai trò của tôn giáo trong xây dựng xã hội Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu Tôn giáo, 1, 28-38.
14. Phạm Văn Búa. (2010). Tìm hiểu đặc điểm dân cư và tâm lý người dân Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thực hiện có hiệu quả chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 13, 11-19.
15 . Lý Hùng. (2021). Phát huy vai trò Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tham luận Hội thảo Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và phát triển cùng đất nước.

16. Nhiều tác giả. (2015). Mừng Chôl Chnăm Thmây 2015. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.